

Số: 84/2021/QĐST-HNGĐ

Mỏ Cày Nam, ngày 22 tháng 4 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Tiếc N, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Ấp PQ, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn L, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Ấp HT, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 33, 38, 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Tiếc N và anh Trần Văn L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Tiếc N và anh Trần Văn L có hai con chung tên Trần Trọng T, sinh ngày: 16/11/2011 và Trần Tấn N, sinh ngày: 03/4/2018.

Chị Nguyễn Thị Tiếc N được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Trần Trọng T và Trần Tấn N.

Ghi nhận anh Trần Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng cho Trần Trọng T, Trần Tấn N mỗi con mỗi tháng 750.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi Trần Trọng T, Trần Tấn N đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/5/2021.

Anh Trần Văn L được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Trần Văn L lạm dụng việc

thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Nguyễn Thị Tiếc N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Trần Văn L.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Tiếc N và anh Trần Văn L tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng, cụ thể:

Anh Trần Văn L được toàn quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 152.0m² thuộc thửa đất số 630, tờ bản đồ số 13 tọa lạc tại ấp HT, xã TH, huyện M, tỉnh Bến Tre và căn nhà trên đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho chị Nguyễn Thị Tiếc N ngày 14/4/2016, số vào sổ cấp GCN: CS03071). Anh Trần Văn L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Tiếc N số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Chị Nguyễn Thị Tiếc N được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng xe mô tô biển kiểm soát 71B3-893.67, nhãn hiệu HONDA, số loại FUTURE, số máy: JA02E0203325, số khung: 02031Y203319 theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 201006 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an tỉnh Bến Tre cấp cho chị Nguyễn Thị Tiếc N ngày 01/4/2019. Chị Nguyễn Thị Tiếc N có nghĩa vụ trả cho anh Trần Văn L số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

(Phần đất được thể hiện theo trích lục bản đồ địa chính ngày 22/4/2021 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M, tỉnh Bến Tre cung cấp).

Anh Trần Văn L, chị Nguyễn Thị Tiếc N được quyền liên hệ với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Thị Tiếc N và anh Trần Văn L không có nợ chung nên không xem xét.

- *Về chi phí thu thập chứng cứ*:

Anh Trần Văn L tự nguyện chịu chi phí thu thập chứng cứ là 174.000 đồng (Một trăm bảy mươi bốn nghìn đồng). Anh Trần Văn L đã nộp đủ.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Tiếc N tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình nhưng khẩu được

trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005916 ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Tiếc N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005916 và số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai số 0005915 cùng ngày 23 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

Anh Trần Văn L phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Tiếc N và anh Trần Văn L tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải nên chị Nguyễn Thị Tiếc N và anh Trần Văn L không phải chịu án phí sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung.

3. Quyết định này có hiệu L pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã TH;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân